

BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính
trong tháng 12 năm 2023 trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 5319/UBND-KSTT ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc rà soát, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ.

Căn cứ Đề cương báo cáo hằng tháng về kết quả thực hiện các nội dung theo Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ (gửi kèm theo Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính từ ngày 23 tháng 11 năm 2023 đến ngày 22 tháng 12 năm 2023 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về cải cách việc quy định thủ tục hành chính (TTHC)

1.1. Kết quả đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính

- Đã đánh giá tác động đối với TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: **0**.

- Đã thẩm định đối với TTHC quy định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó:

+ Cơ quan thẩm định đã kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: **0**.

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu đề bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: **0**.

1.2. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 02 Quyết định¹ công bố danh mục 55 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025 và bãi bỏ 01 TTHC nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao². Đồng thời, đã ban hành Quyết định³ Phê duyệt phương án đơn giản hóa 15 thủ tục hành chính nội bộ⁴ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định. Đến nay các đơn vị đã hoàn thành, gồm: Sở Tài chính 08/38 TTHC đạt 21,05%, Sở Nội vụ 01/04 TTHC đạt 25%, Sở Khoa học và công nghệ 01/01 TTHC đạt 100%, Sở Giao thông vận tải 02/07 TTHC đạt 28,57%, Sở Giáo dục và Đào tạo 01/01 TTHC đạt 100%, Văn phòng UBND tỉnh 02/02 TTHC đạt 100%. Theo đó, số tiền tiết kiệm được sau khi đơn giản hóa 15 thủ tục hành chính hơn 344.790.324 đồng/năm.

1.3. Tổng số thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: Không

2. Về cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính

2.1. Kết quả công khai, minh bạch trong thực hiện thủ tục hành chính

Theo kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong tháng 12 năm 2023, điểm trung bình nhóm chỉ số công bố, công khai đạt 16,4/18 điểm, cụ thể:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn đạt 100%, tỷ lệ TTHC công khai, cập nhật đúng hạn đạt 83,33%.

- Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 26.149 hồ sơ (đạt 85,29%), hồ sơ chưa đồng bộ 4.509 (chiếm 14,71%).

- Thực hiện thường xuyên việc rà soát, làm sạch TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Bình Định đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.2. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là: 63.803 hồ sơ, trong đó bao gồm: 52.201 hồ sơ tiếp nhận mới (trực tuyến: 48.385 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích: 3.816 hồ sơ), 11.602 hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua.

¹ Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 29/4/2023 và Quyết định số 3744/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh.

² Quyết định số 4448/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

³ Quyết định số 4617/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴ Phương án đơn giản hóa cụ thể: giảm và quy định cụ thể thời hạn giải quyết đối với 14 TTHC và bãi bỏ 01 TTHC.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 50.605 hồ sơ, trong đó bao gồm: 47.480 hồ sơ giải quyết trước hạn, 3.086 hồ sơ giải quyết đúng hạn và 39 hồ sơ giải quyết trễ hạn.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết và còn trong hạn: 13.198 hồ sơ.

2.3. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến

Để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Công văn số 5197/VPCP-KSTT ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về việc chính thức triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến 02 nhóm TTHC liên thông thiết yếu của Đề án 06, bao gồm: (i) “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi” và (ii) “Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng” (sau đây gọi tắt là “02 nhóm thủ tục liên thông khai sinh, khai tử”), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản⁵ yêu cầu các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến 02 nhóm TTHC liên thông thiết yếu của Đề án 06. Trong tháng 12/2023, về việc triển khai 02 nhóm TTHC liên thông “Khai sinh, khai tử”: (i) Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi phát sinh: 2.062 hồ sơ trực tuyến; (ii) Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú phát sinh: 258 hồ sơ trực tuyến; (iii) Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí phát sinh: 499 hồ sơ trực tuyến.

- Trong tháng 12 năm 2023, số lượng hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến là 48.385/52.201 đạt tỷ lệ 92,69% (tăng 22,36%). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, bao gồm: Sở Công Thương: 2.939/2.939 hồ sơ, Sở Giao thông vận tải: 12.422/2.445 hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 789/789 hồ sơ, Sở Tư pháp: 939/941 hồ sơ có số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến chiếm tỷ trọng lớn. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn: 2.640/2.640 hồ sơ, huyện Tây Sơn: 1.543/1.543 hồ sơ là 02 địa phương có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh đạt tỷ lệ 100% (*Phụ lục 1 kèm theo*).

- Giao dịch thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trong tháng 12 năm 2023 là 36.122 giao dịch (tăng 545 giao dịch so với cùng kỳ tháng trước). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả bao gồm các Sở: Tư pháp, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế; Ủy ban nhân dân các huyện: Hoài Nhơn, Tây Sơn, An Nhơn, An Lão và thành phố Quy Nhơn; các xã, phường, thị trấn của thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Phù Mỹ, Tuy Phước (*Phụ lục 2 kèm theo*).

⁵ Công văn số 5177/UBND-KSTT ngày 25/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.4. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản⁶ chỉ đạo giao các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện rà soát, phê duyệt danh mục thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa để tái sử dụng đối với danh mục thủ tục hành chính (bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) thuộc phạm vi chức năng quản lý.

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh đạt 97,8% tăng 9,7% so với cùng kỳ tháng trước, trong đó cấp tỉnh đạt 99,18% (tăng 1,68% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 99,2% (tăng 11,8% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 96,7% (tăng 12,6% so với cùng kỳ tháng trước).

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh đạt 91,08% tăng 14,28% so với cùng kỳ tháng trước, trong đó cấp tỉnh đạt 74,4% 84,9% (giảm 10,5% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 83,6% (tăng 23,4% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 98,3% (tăng 11,4% so với cùng kỳ tháng trước).

- Tỷ lệ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bình quân của cả tỉnh đạt 93,9% (giảm 0,2% so với cùng kỳ tháng trước), trong đó cấp tỉnh đạt 96,4% (tăng 4,4% so với cùng kỳ tháng trước), cấp huyện đạt 92,4% (giảm 4,6% so với cùng kỳ tháng trước), cấp xã đạt 94,4% (tăng 1,2% so với cùng kỳ tháng trước).

2.5. Kết quả hợp nhất, kết nối các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác giải quyết thủ tục hành chính thông qua việc tích hợp, kết nối “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh” với 22 cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu hoặc phần mềm chuyên ngành của địa phương hoặc do Trung ương quản lý, vận hành để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp lẫn phía các cơ quan nhà nước.

3. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 20 phản ánh; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 15 phản ánh; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 05 phản ánh.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định kinh doanh theo mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

⁶ Công văn số 7692/UBND-KSTT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác cải cách TTHC của tỉnh hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong tháng 12 năm 2023; kết quả thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công tính đến ngày 20/12/2023, Bình Định đạt 89,92 điểm (đạt loại Tốt), xếp thứ 01/63 tỉnh thành trong cả nước, riêng trong tháng 12/2023, Bình Định đạt 86,16 điểm (đạt loại Tốt), xếp thứ 01/63 tỉnh thành trong cả nước.

- Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục có sự chuyển biến và tăng về số lượng giao dịch so với cùng kỳ tháng 11 năm 2023.

2. Tồn tại, hạn chế

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương⁷ chưa quan tâm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ về công tác cải cách TTHC trong tháng 12 năm 2023.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn tuy có giảm (giảm 11 hồ sơ so với tháng 11) nhưng vẫn còn tồn tại một số địa phương, đơn vị (tổng số hồ sơ trễ hạn của cả tỉnh trong tháng 12 năm 2023 là 39 hồ sơ).

III. NHIỆM VỤ TRONG THÁNG 01 NĂM 2024

1. Tiếp tục chỉ đạo rà soát, làm sạch TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng quy định theo Công văn số 70/TCTCCTTHC ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tiếp tục rà soát, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng cắt giảm các thông tin không phải khai báo, cung cấp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến (các trường thông tin đã khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đảm bảo mục tiêu cắt giảm ít nhất 20% thông tin phải khai báo.

3. Triển khai Kế hoạch thực hiện thí điểm việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

4. Ban hành và triển khai Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2024 phục vụ người dân, doanh nghiệp.

⁷ Tính đến ngày 22/12/2023, một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, bao gồm: 04/07 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Công an tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh; 07/20 Sở, ban: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Dân tộc; 07/11 UBND các huyện, thị xã, thành phố: Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Tây Sơn, Quy Nhơn, Vân Canh, Phù Cát, An Lão.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Văn phòng Chính phủ
xem xét, tổng hợp theo quy định. *h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng BTC Nguyễn Đức Chi (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VNPT Bình Định, Bưu điện tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT^(C).

Thao

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục 1
THỐNG KÊ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG TỈNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyến, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
I	Cấp tỉnh	8960	9463	94.68
1	Sở Công Thương	2939	2939	100
2	Sở Du lịch	44	44	100
3	Sở Khoa học và Công nghệ	14	14	100
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	24	24	100
5	Sở Ngoại vụ	4	4	100
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	789	789	100
7	Sở Nội vụ	45	45	100
8	Sở Thông tin và Truyền thông	23	23	100
9	Sở Tài chính	7	7	100
10	Sở Văn hóa và Thể thao	33	33	100
11	Sở Xây dựng	225	225	100
12	Sở Tư pháp	939	941	99.79
13	Sở Giao thông vận tải	2422	2445	99.06
14	Sở Y tế	214	217	98.62
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	876	892	98.21
16	Ban Quản lý khu kinh tế	29	33	87.88
17	Sở Lao động -Thương binh và Xã hội	43	59	72.88
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	290	729	39.78
II	Cấp huyện	14067	14966	93.99
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	2640	2640	100
2	UBND huyện Tây Sơn	1543	1543	100
3	UBND huyện Phù Cát	1491	1543	96.63
4	UBND huyện Tuy Phước	1605	1664	96.45
5	UBND TP. Quy Nhơn	2578	2785	92.57
6	UBND huyện Hoài Ân	443	484	91.53
7	UBND huyện An Lão	704	785	89.68
8	UBND thị xã An Nhơn	1634	1838	88.9
9	UBND huyện Phù Mỹ	1089	1254	86.84
10	UBND huyện Vân Canh	191	237	80.59
11	UBND huyện Vĩnh Thạnh	149	193	77.2

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyển	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyển, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
II	Cấp xã	25358	27772	91.31
1	UBND thị xã Hoài Nhơn	3643	3697	98.54
2	UBND huyện Phù Mỹ	7261	7415	97.92
3	UBND TP. Quy Nhơn	2495	2558	97.54
4	UBND thị xã An Nhơn	2840	2932	96.86
5	UBND huyện Tuy Phước	3096	3399	91.09
6	UBND huyện Tây Sơn	2511	2840	88.42
7	UBND huyện Vĩnh Thạnh	734	986	74.44
8	UBND huyện Phù Cát	1626	2241	72.56
9	UBND huyện An Lão	302	437	69.11
10	UBND huyện Hoài Ân	495	728	67.99
11	UBND huyện Vân Canh	355	539	65.86
	Tổng cộng I+II+III	48385	52201	92.69

Ghi chú:

Số liệu tính từ ngày 23/11/2023 đến ngày 22/12/2023.

(*) Chưa tính dữ liệu trên phần mềm chuyên ngành.

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH THANH TOÁN
TRỰC TUYẾN PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
I	Cấp tỉnh	4380	4402	99.5
1	Sở Du lịch	13	13	100
2	Sở Khoa học và Công nghệ	8	8	100
3	Sở Y tế	250	250	100
4	Sở Nội vụ	171	171	100
5	Sở Tư pháp	1040	1040	100
6	Sở Thông tin và Truyền thông	15	15	100
7	Sở Công Thương	22	22	100
8	Sở Lao động -Thương binh và Xã hội	22	22	100
9	Sở Giao thông vận tải	1483	1483	100
10	Sở Văn hóa và Thể thao	2	2	100
11	Sở Nông nghiệp và PTNT	457	457	100
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	681	684	99.56
13	Sở Xây dựng	204	220	92.73
14	Ban Quản lý khu kinh tế	12	15	80
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	0	0	0
16	Ban Dân tộc	0	0	0
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	0	0	0
18	Sở Ngoại vụ	0	0	0
19	Thanh tra	0	0	0
20	Sở Tài chính	0	0	0
II	Cấp huyện	9813	10592	92.65
1	UBND huyện An Lão	219	219	100
2	UBND huyện Tây Sơn	1123	1123	100
3	UBND thị xã Hoài Nhơn	1656	1656	100
4	UBND thị xã An Nhơn	1246	1261	98.81
5	UBND huyện Hoài Ân	479	486	98.56
6	UBND huyện Vân Canh	244	255	95.69
7	UBND TP. Quy Nhơn	2017	2135	94.47
8	UBND huyện Phù Mỹ	690	765	90.2
9	UBND huyện Phù Cát	1220	1451	84.08
10	UBND huyện Tuy Phước	857	1118	76.65
11	UBND huyện Vĩnh Thạnh	62	123	50.41
III	Các xã	21929	22160	98.96

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
1	UBND huyện Vân Canh	448	448	100
2	UBND thị xã An Nhơn	1112	1112	100
3	UBND thị xã Hoài Nhơn	2912	2912	100
4	UBND huyện Tuy Phước	2989	2991	99.93
5	UBND TP. Quy Nhơn	1955	1957	99.90
6	UBND huyện Tây Sơn	1897	1900	99.84
7	UBND huyện Phù Mỹ	7495	7544	99.35
8	UBND huyện Phù Cát	1558	1601	97.31
9	UBND huyện Hoài Ân	447	465	96.13
10	UBND huyện An Lão	279	295	94.58
11	UBND huyện Vĩnh Thạnh	837	935	89.52
	Tổng số I+II+III	36122	37154	97.22

Ghi chú:

Số liệu tính từ ngày 23/11/2023 đến ngày 22/12/2023 (thống kê theo ngày thanh toán).

(-) Các cơ quan không có TTHC thu phí, lệ phí.